

Vấn đề môi trường lao động và sức khoẻ của nữ công nhân qua nghiên cứu xã hội học ở một số cơ sở hiện nay

NGÔ MINH PHƯƠNG

Sự khởi sắc của nền kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng trên đất nước ta trong thời kỳ đổi mới là đáng mừng về mọi mặt, song cũng làm xuất hiện nhiều vấn đề cần được nghiên cứu và giải quyết, trong đó có vấn đề “môi trường lao động và sức khoẻ của người lao động”. Môi trường lao động chính là nơi những người lao động thực hiện các hoạt động sản xuất, dịch vụ của họ. Chính trong môi trường này, người lao động phải gánh chịu tất cả các yếu tố cấu thành môi trường lao động có thể gây ảnh hưởng tới sức khoẻ và lâu dài tạo nên bệnh nghề nghiệp của họ. Những yếu tố dễ nhận biết và thường gặp nhất là bụi, các chất khí và chất thải độc hại, nhiệt độ cao và tiếng ồn. Không phải ở các cơ sở sản xuất nào cũng tồn tại đầy đủ các yếu tố đã nêu, song dù chỉ tồn tại một yếu tố thì tác hại của nó gây ảnh hưởng không phải là nhỏ đến sức khoẻ người lao động.

Khi quan tâm tới vấn đề môi trường lao động và sức khoẻ của người lao động, ta không thể không quan tâm tới vấn đề sức khoẻ của nữ công nhân bởi nữ công nhân cũng là người lao động mà họ có những đặc điểm riêng biệt, xét trên phương diện về giới. Chính vì xuất phát từ cách đặt vấn đề như vậy mà trong bài viết này chúng tôi tập trung vào vấn đề hiện trạng môi trường lao động ở một số ngành sản xuất tại Hà Nội và ảnh hưởng của nó tới sức khoẻ của nữ công nhân.

1. Môi trường lao động ở một số cơ sở sản xuất và dịch vụ ở Hà Nội: Xuất phát từ trình độ công nghệ và điều kiện đầu tư ban đầu của nền công nghiệp nước ta, những yếu tố tác động chính đến môi trường lao động ở các cơ sở sản xuất và dịch vụ ở Hà Nội chủ yếu là bụi, các loại khí và chất thải độc hại, nhiệt độ cao và tiếng ồn. Các yếu tố này sẽ gây ô nhiễm lớn đối với môi trường đô thị, song trước hết nó sẽ ảnh hưởng tới sức khoẻ của công nhân làm việc tại đó. Số liệu thống kê của Bộ Y tế cho thấy số mẫu bụi có nồng độ vượt quá nồng độ tối đa cho phép đang chiếm một tỷ lệ lớn ở một số ngành như : 92%-100% đối với ngành giao thông; 72%-80% đối với nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm và 78%-100% với ngành hoá chất. Đáng lưu tâm hơn nữa là xu hướng ô nhiễm do bụi vô cơ ngày càng tăng. Số liệu kiểm tra cho môi trường lao động tại xí nghiệp bê tông Vĩnh Tuy năm 1994 của trung tâm vệ sinh dịch tễ Hà Nội cho thấy nồng độ bụi ở khu vực máy trộn bê tông gấp 1,4 - 3 lần, còn ở trong kho xi măng gấp 3 lần so với tiêu chuẩn cho phép. Tác hại của bụi hữu cơ đối với sức khoẻ người lao động càng đáng quan tâm hơn. Vậy mà kết quả khảo sát của Viện y học lao động và vệ sinh môi trường tại nhà máy Sợi - Dệt kim Hà Nội và nhà máy dệt 8/3 cho thấy nồng độ bụi hữu cơ trung bình tại tất cả các điểm lấy mẫu đều vượt quá 1mg/mét khối, một kết quả thực sự đáng lo ngại. Nghiêm trọng hơn, nồng độ bụi chè ở một nhà máy chè tại Hà Nội đã vượt quá nồng độ cho phép theo quy định từ 50 đến 130 lần. Chưa nói đến gánh nặng tâm lý nghề nghiệp mà người công nhân quét rác thuộc công ty Vệ sinh môi trường đô thị phải gánh chịu, chỉ riêng việc phải thường xuyên tiếp xúc với bụi có nồng độ cao hơn tiêu chuẩn vệ sinh cho phép từ 3 đến 7 lần và đặc biệt là hàm lượng Silic tự do trong bụi có thể lên tới 12,5% (số liệu của trung tâm vệ sinh dịch tễ Hà Nội) cũng đủ để cho chúng ta phải lo ngại về điều kiện lao động của những người công nhân công ty này. Tại khu vực nhà máy thuốc lá Thăng Long, bụi thuốc lá chứa trong nó một hàm lượng nicotin đáng kể bốc ra quanh năm khiến mọi người đi ngang qua phải nín thở. Nếu không có hiểu biết nhiều về y học, chúng ta cũng dễ hình dung tác hại của loại bụi này đối với sức khoẻ của những người công nhân làm việc.

Tại nhiều cơ sở, công nhân phải tiếp xúc với các loại chất khí độc và các chất thải độc hại thường xuyên liên tục. Điển hình là ở Công ty vệ sinh môi trường đô thị Hà Nội, hơn 3 ngàn công nhân của công ty hàng năm phải thu gom và vận chuyển trên 350 ngàn mét khối rác và phế thải của thành phố bao gồm cả từ phế thải của các hộ dân cư, bệnh viện và cơ sở sản xuất... đó là chưa kể tới một khối lượng phân tươi lên tới 30 ngàn tấn/năm mà các cư dân trong các khu nhà ở thiếu điều kiện vệ sinh thải ra cũng do chính công nhân của công ty này thu dọn. Tại một số cơ sở sản xuất, công nhân phải làm việc vất vả trong điều kiện nhiệt độ cao mà không có đủ thiết bị thông

thoáng công nghiệp. Làm việc trong điều kiện như vậy, người công nhân có thể bị mất nhiều nước, muối khoáng và giảm sút sức khoẻ rất nhanh. Chỉ theo kết quả khảo sát ở nhà máy gạch Từ Liêm vào mùa hè 1995. Nhiệt độ trong phân xưởng tạo hình, trong khu quanh lò Tuy-nen cao hơn nhiệt độ ngoài từ 1 đến 5 độ C. Một yếu tố nữa của môi trường lao động cần được quan tâm là tiếng ồn, bởi ảnh hưởng của nó tới sức khoẻ của người lao động cũng không nhỏ và khả năng gây bệnh nghề nghiệp là đáng kể. Theo qui định của Nhà nước về cường độ tiếng ồn tối đa cho phép trong môi trường lao động của Việt Nam không vượt quá 90 dBA, nhưng kết quả đo cường độ tiếng ồn thực tế tại 11 nhà máy đều vượt quá qui định này. Kết quả kiểm định của Ban thanh tra và kiểm soát môi trường thành phố Hà Nội tại Xí nghiệp dệt 19/5 năm 1994 cho thấy : cường độ tiếng ồn trong tất cả các phân xưởng đều vượt quá cường độ tiêu chuẩn cho phép từ 6,2 đến 8,3 dBA, thậm chí tại khu vực dân cư quanh xí nghiệp, cường độ tiếng ồn vẫn còn cao hơn mức tiêu chuẩn cho phép còn 3,1 dBA. Đáng lưu ý là ở các cơ sở sản xuất người lao động thường phải gánh chịu đồng thời vài ba yếu tố tác hại chứ không chỉ là một. Thí dụ như tại Xí nghiệp dệt 19/5, ngoài mức độ ồn vượt quá qui định cho phép như đã nêu thì công nhân trong 2 phân xưởng dệt còn phải hít thở không khí có nồng độ bụi vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép từ +2 đến +5 mg/mét khối.

Một thực tế đáng lưu tâm là tình trạng nguy hiểm của môi trường lao động đã được phát hiện và ghi nhận từ nhiều năm, nhưng theo kết quả điều tra khảo sát của các cơ quan có trách nhiệm thì theo năm tháng, mức độ ô nhiễm môi trường nay không hề giảm sút mà lại có xu hướng tăng lên, mức độ nguy hại cao hơn, trầm trọng hơn. Điều này chứng tỏ môi trường lao động chưa được các nhà quản lý doanh nghiệp và các cơ quan chức năng quan tâm thích đáng.

2. Ảnh hưởng của môi trường lao động hiện nay tới sức khoẻ của nữ công nhân

Lực lượng nữ lao động đang chiếm một tỷ lệ quan trọng trong các cơ sở sản xuất. Số liệu điều tra của Dự án chăm sóc sức khoẻ lao động nữ của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam đã công bố năm 1996 cho thấy các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm, lâm nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng là những ngành có sử dụng nhiều lao động nữ, nhất là lao động trực tiếp. Tại những nơi sử dụng ít lao động nữ, tỷ lệ công nhân nữ chiếm tới 40%, còn ở nơi sử dụng nhiều như ngành may mặc thì tỷ lệ lao động nữ chiếm tới 80% trong tổng số. Do những đặc điểm riêng về giới, ảnh hưởng xấu của môi trường lao động tới sức khoẻ của nữ công nhân cũng tai hại hơn nhiều so với nam giới. Số công nhân nữ có sức khoẻ được xếp loại 4 (loại kém nhất) là khá cao ở các cơ sở sản xuất. Đây là dấu hiệu đáng báo động cho các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý có sử dụng lao động nữ. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin đưa ra các kết quả nghiên cứu từ các cuộc phỏng vấn sâu, các cuộc trưng cầu ý kiến cũng như các số liệu đã công bố trên báo chí (báo Lao Động, Phụ nữ Việt Nam, Phụ nữ Thủ đô, v.v..) để thấy rõ tình trạng giảm sút sức khoẻ của nữ công nhân đã tới mức báo động.

Theo số liệu tháng 6 năm 1995 của ngành công nghiệp nhẹ, số công nhân nữ làm việc trong các nhà máy dệt có sức khoẻ từ loại 2 chiếm 85,64%. Số chị em mắc bệnh nghề nghiệp điển hình như bệnh bụi phổi bông: 25,96%, bệnh bụi phổi chiếm 10,8% và bệnh xạm da nghề nghiệp là 15,12%.

Xin nêu một số ví dụ để minh họa điều này:

Chị N.T.H., thợ bậc 3 Công ty Dệt kim Thăng Long cho biết : Sau 18 năm làm việc phải tiếp xúc với bụi bông và tiếng ồn, chị thường bị viêm họng đau đầu hoặc đau ngực, ho. Tình trạng sức khoẻ của chị nói chung rất kém và chỉ cân nặng 40 kg. Hiện nay chị H. đang xin nghỉ việc với lý do sức khoẻ yếu.

Một công nhân có thâm niên 12 năm của Công ty May Chiến Thắng - chị Th.M., ngoài việc bị viêm xoang đã nhiều năm còn thường xuyên bị nhức đầu hoa mắt và mệt mỏi. Chị không dám nghỉ việc vì sợ bị cắt tiền thưởng năng suất vì thiếu ngày công lao động.

Nữ công nhân bậc 6 - chị N.T.V của Công ty Dệt kim Đông Xuân, liên tục đứng máy 20 năm cũng cho biết bị viêm xoang nặng từ nhiều năm nay vì thường xuyên phải hít thở bụi trong phân xưởng. Giống như chị, hầu hết các chị em làm việc ở đây cũng bị bệnh này. Ngoài bệnh viêm xoang, chị V. cùng các chị em khác còn bị mệt mỏi do phải chịu đựng tiếng ồn và hơi nóng thường xuyên ở phân xưởng.

Tìm hiểu trong ngành đường sắt, nơi mà nữ công nhân vốn đã phải lao động nặng nhọc

(bốc vắc) khiến cho có tới 80% số nữ công nhân bị thoái hoá cột sống và 60% bị dẫn tĩnh mạch kheo. Chị em công nhân thường xuyên chịu đựng nhiệt độ không khí nơi làm việc mùa hè từ 30-35 độ, thậm chí có nơi lên tới 38-39 độ, thêm vào đó nồng độ bụi và cường độ tiếng ồn vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Điều kiện lao động này khiến cho chị em công nhân bị giảm sút sức khoẻ nhanh và thường xuyên bị căng thẳng thần kinh.

Ngành xây dựng cũng là một ngành lao động nặng nhọc. Chính vì phải thường xuyên mang vắc nặng nên có tới 50% số công nhân nữ bị dẫn tĩnh mạch kheo và 60% bị thoái hoá cột sống. Bên cạnh những bệnh tật do sự nặng nhọc của công việc gây ra, chúng ta cũng dễ dàng thấy môi trường lao động còn làm cho nữ công nhân trong ngành này có tới 40% bị nhiễm bụi, 10% bị bệnh xạm da.

Ở Công ty vệ sinh Môi trường đô thị qua kiểm tra sức khỏe của chị em cho kết quả sau:

Bảng 1: Tình hình bệnh tật của nữ công nhân công ty vệ sinh môi trường đô thị
(số liệu năm 1995)

<i>Bệnh</i>	<i>Nội khoa</i>	<i>Tai mũi họng</i>	<i>Răng hàm mặt</i>	<i>Mắt</i>	<i>Ngoài da</i>	<i>Da liễu</i>
Quét rác	100%	99,1%	99,6%	99,6%	100%	100%
Xúc đất rác	77%	67%	70%	59,3%	63,6%	0,4%
Quét dọn vệ sinh công cộng	100%	100%	93,6%	97,7%	100%	100%
Thu dọn phân	80%	92,3%	92,3%	92,3%	100%	80%
<i>Bệnh</i>	<i>Nội khoa</i>	<i>Tai mũi họng</i>	<i>Răng hàm mặt</i>	<i>Mắt</i>	<i>Ngoài da</i>	<i>Da liễu</i>
Quét rác	100%	99,1%	99,6%	99,6%	100%	100%
Xúc đất rác	77%	67%	70%	59,3%	63,6%	0,4%
Quét dọn vệ sinh công cộng	100%	100%	93,6%	97,7%	100%	100%
Thu dọn phân	80%	92,3%	92,3%	92,3%	100%	80%

Từ kết quả trong bảng cho, chúng ta dễ dàng thấy nhóm công nhân quét rác có tỷ lệ mắc bệnh cao nhất, trong đó ở 3 loại bệnh : nội khoa, ngoài da và da liễu có tỷ lệ mắc bệnh 100 %, còn ở 3 nhóm bệnh còn lại : tai mũi họng, răng hàm mặt và mắt thì tỷ lệ mắc bệnh cao trên 99%.

Nhóm nữ công nhân quét dọn vệ sinh công cộng có tỷ lệ mắc các loại bệnh cao vào hàng thứ 2. Có tới 4 loại bệnh (nội khoa, tai mũi họng, ngoài da và da liễu) mà tỷ lệ mắc bệnh của nhóm lên tới 100%. Tỷ lệ mắc bệnh của nhóm này ở 2 loại bệnh còn lại là răng hàm mặt và mắt cũng khá cao và tương ứng là 93,6% và 97,7%.

Nhóm công nhân thu dọn phân có mức độ mắc bệnh đứng thứ 3 song thực chất, tỷ lệ mắc bệnh cũng rất cao. Tỷ lệ mắc bệnh ngoài da của nhóm này là 100%, còn ở 3 loại bệnh tiếp theo : tai mũi họng, răng hàm mặt và mắt cũng đều lên tới 92% và cuối cùng ở 2 loại bệnh có mức thấp nhất là nội khoa và da liễu thì tỷ lệ mắc bệnh cũng đều trên 80%.

Nếu xem xét trên quy mô toàn công ty, ta sẽ có một kết luận chung là tình hình mắc bệnh của nữ công nhân Công ty vệ sinh đô thị Hà Nội là rất cao. Trong tất cả 6 loại bệnh được điều tra, bệnh da liễu có số công nhân nữ mắc cao nhất lên tới 99% còn bệnh mắt thấp nhất cũng lên tới 93.8%.

Thông qua phỏng vấn sâu với nữ công nhân của công ty vệ sinh môi trường đô thị, chúng tôi còn thấy rõ thêm một điều là do điều kiện làm việc phải đi lại nhiều trên mặt đường bất kể thời tiết nóng, lạnh, nắng, mưa thế nào và gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết vệ sinh cá nhân gây hậu quả tất yếu là tỷ lệ mắc bệnh phụ khoa cao. Theo báo cáo của Phòng tổ chức Xí nghiệp Môi trường đô thị số 1: "Chị em công nhân của chúng tôi có hơn 400 người thì có tới 90% bị mắc bệnh

phụ khoa, do điều kiện làm việc phải đi lại nhiều mà các điểm giải quyết vệ sinh cá nhân không có. Chúng tôi đã nhiều lần đề nghị các công ty cấp cho mỗi tổ lao động một hộp đựng dụng cụ lao động mà còn chưa được thì làm sao có thể có các nhà lưu động để chị em có chỗ giải quyết vệ sinh cá nhân, thay quần áo...”

Do sự hạn chế về nhiều mặt nên các số liệu và kết quả khảo sát điều tra mà chúng tôi có được trong tay và vừa trình bày ở trên đang còn thật ít ỏi song trong một chừng mực nào đó cũng đủ cho phép chúng ta đưa ra kết luận là điều kiện môi trường lao động ở nhiều cơ sở sản xuất của chúng ta còn thấp kém. Chính điều này đưa đến kết quả tất yếu là sức khoẻ của đội ngũ nữ công nhân bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tình trạng bệnh nghề nghiệp đang ở mức báo động. Hiện trạng này thực sự đáng để các nhà quản lý sản xuất, các nhà lãnh đạo của các cơ quan quan tâm một cách thực sự.

3. Kết luận và kiến nghị

+ Trong khi ô nhiễm môi trường đang trở thành nguy cơ đe dọa nhân loại trên quy mô toàn cầu thì môi trường lao động ở nước ta ngày càng xuống cấp nghiêm trọng. Sự xuống cấp này có nguyên nhân trực tiếp từ trang thiết bị kỹ thuật của nền công nghiệp nước ta quá lạc hậu và cũ kỹ đã từ lâu không được trang bị nâng cấp. Mặt khác nó cũng còn có nguyên nhân ở ngay trong nhận thức của con người, cả từ các cấp lãnh đạo, các nhà quản lý xã hội và quản lý doanh nghiệp cho tới từng người lao động.

+ Sự ô nhiễm môi trường ở các cơ sở sản xuất và dịch vụ không chỉ làm ô nhiễm môi trường đô thị nói chung mà trước hết nó tác động rất lớn đến sức khoẻ của những người lao động ngay trong các cơ sở đó, trong đó có các nữ lao động-những người đang chiếm một tỷ lệ cao trong nhiều ngành kinh tế của xã hội và còn là người giữ vai trò hết sức quan trọng trong đời sống gia đình và tái tạo ra những thế hệ lao động mới. Sức khoẻ của người lao động nói chung và của nữ công nhân nói riêng đang chịu ảnh hưởng rất lớn của môi trường lao động. Kết quả tất yếu, sức khoẻ của nữ công nhân trong các cơ sở sản xuất và dịch vụ đang giảm sút nghiêm trọng.

+ Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy định tiêu chuẩn vệ sinh môi trường và an toàn lao động, các văn bản đó được coi như những cơ sở về mặt pháp luật mà các nhà quản lý sản xuất phải chấp hành. Tuy vậy, tác dụng của các văn bản mang tính chất pháp luật của nhà nước chưa được các doanh nghiệp quan tâm hoặc chưa có đủ điều kiện để giải quyết.

+ Từ những thực trạng trên, chúng tôi xin đề xuất những giải pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến không chỉ môi trường lao động cho những người lao động trực tiếp mà còn nhằm phục vụ cho việc bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ cho sức khoẻ của nữ lao động nói riêng:

- Nhà nước hoàn chỉnh từng bước hệ thống các văn bản pháp luật qui định về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp và những quy định về việc bảo vệ sức khoẻ cho công nhân trên cơ sở có sự tham gia của các cơ quan và các cán bộ đầu ngành về khoa học và y tế.

- Trên cơ sở các văn bản pháp quy, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ các cơ sở sản xuất và dịch vụ một cách chặt chẽ, trung thực và thường xuyên. Kiên quyết đình chỉ của các cơ sở sản xuất nếu phát hiện vi phạm, bảo vệ môi trường và sức khoẻ của người lao động cho tới khi khắc phục được vệ sinh công nghiệp.

- Nhà nước đưa vấn đề bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khoẻ người lao động trở thành một trong các yêu cầu xét duyệt các dự án phát triển sản xuất.

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường lao động và sức khoẻ của người lao động tới tất cả các tầng lớp, từ người lãnh đạo đến các nhà quản lý và người lao động.

- Từng bước loại bỏ các công nghệ lạc hậu, các nhà máy, dây chuyền quá cũ kỹ đồng thời cho định hướng phát triển các công nghệ sạch trong các ngành sản xuất và dịch vụ.

- Phát huy dân chủ, tạo điều kiện cho các tổ chức nghiệp đoàn và đoàn thể xã hội như Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội Phụ nữ... thực sự trở thành người bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động nói chung và nữ công nhân lao động nói riêng trước các chủ doanh nghiệp dù là nhà nước, tư nhân, hay liên doanh.

Bên cạnh những biện pháp nói trên, để giải quyết những tồn đọng, trước mắt, theo chúng tôi cần :

Hoàn chỉnh hệ thống khám chữa bệnh theo Bảo hiểm y tế hiện nay để thực sự góp phần đầu tư có hiệu quả cho các bệnh nhân, nhất là các bệnh nhân mắc bệnh nghề nghiệp. Đưa các hoạt động khám sức khoẻ định kỳ trở thành những hoạt động có ý nghĩa thực sự nhằm phát hiện kịp thời bệnh tật cho người lao động, nhất là lao động nữ.

Nghiên cứu, điều chỉnh hợp lý chế độ phụ cấp độc hại nghề nghiệp cho thoả đáng với các ngành nghề và kịp thời quan tâm đến sự trượt giá của thị trường để tiền phụ cấp thực sự bù đắp được cho người lao động, đảm bảo sức khoẻ tiếp tục làm việc. Song phụ cấp chỉ thực sự phát huy tác dụng khi đồng lương cơ bản có ý nghĩa với đời sống của họ. Bởi vậy, cải tiến lương là vấn đề hết sức quan trọng.